

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 118/2022/HCPT

Ngày: 14/4/2022

V/v: Khiếu kiện hành vi hành
chính trong lĩnh vực hỗ trợ tiền sử
dụng đất cho người có công.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Hồ Sỹ Hưng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Lê Đỗ Quyên, Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 104/2021/TLPT-HC ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tiền sử dụng đất cho người có công” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số 39/2020/HC-ST ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2592/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

* **Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1945; địa chỉ: Số nhà 17/10/83 Nguyễn B, phường Q, quận Z, thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Nguyễn T, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

* **Người bị kiện:** UBND thành phố H;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê K, Phó Chủ tịch UBND thành phố H. Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn ngày 14/4/2022 đề nghị xét xử phúc thẩm).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Trần Văn H, Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Ông Nguyễn Duy G, Phó Trưởng Ban tiếp công dân thành phố H;

- Ông Trần Đức H, Trưởng phòng Quản lý, xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật, Sở Tư pháp.

- Ông Lê Đức T, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận Z.

Có mặt ông H, ông G, ông T tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** UBND quận Z, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê C, Phó Chủ tịch UBND quận Z. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị A trình bày:

Gia đình bà (A) được giao diện tích đất ao (có vị trí hiện nay tại ngõ 70 X, phường Y) từ năm 1985, đến năm 1997, chồng bà là ông Nguyễn Văn Bmắt, mẹ con bà tiếp tục sử dụng đất. Năm 2008, thửa đất được Nhà nước thu hồi giao cho Công ty CL - V, nhưng sau đó Công ty CL - V trả lại nên đất được giao lại cho Công an phường Y quản lý. Sau đó, Công an phường Y đồng ý, gia đình bà được tự bỏ kinh phí san lấp đất ao thành mặt bằng và được UBND quận Z trả đất tái định cư tại chỗ với diện tích 150m².

Tháng 5/2013 gia đình được cấp GCNQSDĐ là 88,6m², với số tiền đất phải nộp 503.965.000 đồng (ghi nợ tiền đất). Bà là con liệt sĩ NVA nên được hưởng chính sách hỗ trợ gia đình người có công với cách mạng bằng 70% (tương đương 349.297.000 đồng) tiền sử dụng đất phải nộp. Nhưng UBND thành phố và UBND quận không xem xét đến việc chồng bà là ông Nguyễn Văn B (được tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước) và là con liệt sĩ NVS và cụ NTC (có bằng khen có công với nước được hưởng chế độ như liệt sĩ). Bà không đồng ý với mức hỗ trợ 70% nêu trên đã gửi đơn khiếu nại, kiến nghị cho rằng gia đình bà phải được hưởng chính sách hỗ trợ bằng 2 lần mức hỗ trợ theo tiêu chuẩn 2 liệt sĩ nhưng không quá 100% tiền sử dụng đất.

Bà đã có đơn kiến nghị nhiều lần từ tháng 5/2013 đến tháng 12/2019 gửi các cơ quan có thẩm quyền của thành phố H và Trung ương, mong được giải quyết phần hỗ trợ thêm phần của cụ NVS và cụ NTC theo quy định của quyết định số 118-TTg ngày 27/2/1996 của Thủ tướng Chính phủ và Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng nhưng bị gây khó khăn nên đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố H.

Tại buổi hòa giải, đối thoại lần thứ 3 (ngày 12/9/2019) ở TAND thành phố H, có sự tham gia của UBND quận Z, Sở LĐ-TB và XH, Sở Tài chính, đã đi đến thống nhất: UBND quận Z báo cáo UBND thành phố H (có văn bản số 346/BC-UBND ngày 19/9/2019) đồng ý hỗ trợ chi thêm 30% tiền sử dụng đất cho gia đình bà. UBND thành phố H có văn bản số 5060/UBND-VXNC ngày 21/8/2019 và số 6213/UBND-VXNC ngày 09/10/2019 đồng ý giao UBND quận Z thực hiện hỗ trợ thêm 30% tiền sử dụng đất (tương đương 154.668.000đ) bằng vốn xã hội hóa cho gia đình bà. Chính vì vậy bà đã rút đơn khởi kiện, nhưng sau đó

UBND quận Z không thực chi trả tiền nên bà tiếp tục khởi kiện với các yêu cầu cụ thể như sau:

- Buộc UBND thành phố H phải thực hiện việc hỗ trợ nốt 30% tiền sử dụng đất là 154.668.000đ cho gia đình bà (thân nhân của người có công là ông Nguyễn Văn Luân) theo đúng qui định của pháp luật.

- Trường hợp UBND thành phố đã giao cho quận Z thực hiện việc hỗ trợ theo biên bản đối thoại ngày 12/9/2019 thì đề nghị thực hiện cam kết theo báo cáo số 346/BC-UBND ngày 19/9/2019 UBND quận Z; văn bản số 5060/UBND-VXNC ngày 21/8/2019 và số 6213/UBND-VXNC ngày 09/10/2019 của UBND thành phố H nói trên.

Tại văn bản trình bày ý kiến số 3613/UBND-NC2, đại diện người bị kiện là UBND thành phố H trình bày:

Bà Nguyễn Thị A là thân nhân liệt sĩ; ông Nguyễn Văn B(chồng bà A) là thân nhân liệt sĩ, nhưng ông NVL đã chết năm 1997. Năm 2009 bà A có đơn xin giao đất làm nhà ở và được UBND quận Z cấp Giấy CNQSD đất đối với 88,6m² đất tại ngõ 70 X, phường Y, quận Z. Ngày 07/6/2013 UBND thành phố H có quyết định số 1021/QĐ-UBND về việc chi hỗ trợ 70% tiền sử dụng đất đối với bà Khá nhưng bà A không chấp nhận mà yêu cầu hỗ trợ bằng 100% giá trị quyền sử dụng đất. Nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị A đã được Ủy ban nhân dân thành phố H giao các Sở, ngành: Lao động -Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính và UBND quận Z giải quyết từ năm 2013 đến nay(đã xin ý kiến các Bộ, Ngành trung ương). Qua nghiên cứu xem xét, đã trả lời bằng văn bản là không đủ cơ sở pháp lý để hỗ trợ thêm 30% tiền sử dụng đất theo yêu cầu của bà A.

Quá trình hòa giải đối thoại tại Tòa án nhân dân thành phố H (lần 1 vào ngày 06/6/2019, lần 2 vào ngày 12/7/2019, lần 3 vào ngày 12/9/2019), các bên đã đi đến thống nhất UBND quận Z báo cáo, đề xuất UBND thành phố H hỗ trợ thêm 30% tiền sử dụng đất cho gia đình bà A bằng nguồn tiền xã hội hóa. UBND thành phố H đã ban hành các Văn bản số 5060/UBND-VXNC ngày 21/8/2019 và số 6213/UBND-VXNC ngày 09/9/2019 giao UBND quận Z thực hiện các trình tự, thủ tục hỗ trợ thêm tiền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị A bằng nguồn xã hội hóa theo quy định.

Ngày 18/12/2019, bà Nguyễn Thị A có đơn kiến nghị về việc UBND quận Z không thực hiện hỗ trợ theo thỏa thuận. Ngày 07/01/2020, UBND thành phố tiếp tục có văn bản số 74/UBND-NC yêu cầu UBND quận Z khẩn trương xem xét, giải quyết kiến nghị của bà Nguyễn Thị A, báo cáo UBND thành phố H trong tháng 01/2020. Ngày 22/01/2020, UBND quận Z đã có báo cáo số 21/BC-UBND với nội dung: “Trong thời gian qua UBND quận đã chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị, rà soát, tổng hợp các nguồn xã hội hóa để hỗ trợ thêm tiền sử dụng đất cho gia đình bà Nguyễn Thị A theo chỉ đạo của UBND thành phố H tại văn bản số 3213/UBND-VXNC ngày 09/10/2019. Tuy nhiên, từ tháng 10/2019 đến nay, UBND quận đang tập trung vận động các nguồn xã hội hóa để thực hiện các nhiệm vụ quan trọng như: Xây dựng bệnh xá trên đảo Sinh Tồn, quần đảo

Trường Sa; hỗ trợ các gia đình chính sách, chăm lo cho người nghèo trong dịp Tết Nguyên đán; tổ chức bắn pháo hoa chào năm mới 2020... Vì vậy trong thời gian này UBND quận chưa bố trí được kinh phí để hỗ trợ thêm cho bà Nguyễn Thị A”. Bên cạnh đó, từ đầu năm đến nay toàn bộ thành phố tập trung cao cho công tác phòng chống dịch Covid-19, huy động các nguồn lực để hỗ trợ, giải quyết cho người dân gặp khó khăn do đại dịch. Các doanh nghiệp trên địa bàn cũng đang bị ảnh hưởng xấu do đại dịch nên việc vận động xã hội hóa gặp nhiều khó khăn.

Như vậy kiến nghị của bà Nguyễn Thị A đã được UBND thành phố chỉ đạo các Sở, ngành, UBND quận Z giải quyết theo đúng quy định của, đảm bảo quyền lợi của công dân. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo qui định của pháp luật.

Đại diện UBND quận Z đồng ý với ý kiến của UBND thành phố H và trình bày:

UBND quận Z không từ chối trách nhiệm mà UBND thành phố H đã giao tại các Văn bản số 5060/UBND-VXNC ngày 21/8/2019 và số 6213/UBND-VXNC ngày 09/9/2019 về việc hỗ trợ thêm 30% tiền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị A. Tuy nhiên, tại thời điểm hiện nay nguồn kinh phí xã hội hóa của quận không có để triển khai thực hiện khoản hỗ trợ nói trên, UBND quận đã huy động tất cả các nguồn lực có thể nhưng trước mắt chỉ có thể lo được 40.000.000 đồng lấy từ nguồn sửa chữa nhà cho gia đình liệt sỹ. Nếu bà A không đồng ý nhận số tiền hỗ trợ nói trên thì vẫn phải chờ đến khi UBND quận tìm được nguồn xã hội hóa phù hợp với qui định của pháp luật.

UBND quận đã làm đúng các qui định của pháp luật về chính sách đền ơn, đáp nghĩa nên đề nghị Tòa án bác yêu cầu của bà A.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2020/HC-ST ngày 17/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 2, Điều 14, Điều 36 và Điều 37 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; Điều 71 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 và các điều 11,12 và 13 Nghị định số 45/2014/ND-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; các khoản 5, 6, 7 Điều 2 Quyết định số 118-TTg ngày 27/2/1996 và khoản 2 Điều 1 và khoản 1 Điều 2 Quyết định số 117-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ; Điều 13 và Điều 14 Thông tư số 76/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính

Căn cứ khoản 1 Điều 348 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A về các nội dung sau:

- Buộc UBND thành phố H phải thực hiện việc hỗ trợ nốt 30% tiền sử dụng đất là 154.668.000đ cho gia đình bà (thân nhân của người có công là ông Nguyễn Văn Luân) theo đúng qui định của pháp luật.

- Trường hợp UBND thành phố đã giao cho UBND quận Z thực hiện việc hỗ trợ theo biên bản đối thoại ngày 12/9/2019 thì đề nghị thực hiện cam kết theo Báo cáo số 346/BC-UBND ngày 19/9/2019 UBND quận Z; văn bản số 5060/UBND-VXNC ngày 21/8/2019 và số 6213/UBND-VXNC ngày 09/10/2019 của UBND thành phố H.

2. Bà Nguyễn Thị A được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

Ngày 29/12/2020, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị A kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị A giữ nguyên kháng cáo cho rằng bà A và chồng đều là con liệt sĩ, theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với Cách mạng và Nghị định số 31/2013/NĐ-CP Nghị định số 45/201/NĐ-CP, Quyết định số 117/2007/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 45/Cp-NĐ về miễn giảm thuế, đủ điều kiện được miễn 100% tiền sử dụng đất.

Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn T trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà A.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày quan điểm: Theo quy định thì trường hợp của bà A chỉ đủ điều kiện quy định hưởng miễn giảm 70% nghĩa vụ tài chính về đất, 30% còn lại được hỗ trợ theo nguồn kinh phí xã hội hóa. Việc giải quyết chế độ chính sách cho bà A đã đúng quy định của pháp luật, chính sách hỗ trợ hoàn toàn bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bà A. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông T (Trưởng Phòng Tài nguyên môi trường và Phó phòng Lao động –Thương binh và xã hội) xác nhận hiện UBND quận mới đã có từ khoản xã hội hóa 40.000.000 đồng, đã mời bà A đến nhận và sẽ thực hiện việc hỗ trợ đầy đủ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Mặc dù chồng bà A là ông NVL (ông NVL đã chết năm 1997) cũng là con liệt sĩ, nhưng thời điểm bà A xin cấp Giấy CNQSDĐ là năm 2009. Do vậy, Quyết định 1021/QĐ-UBND07/6/2013 của UBND thành phố H hỗ trợ 70% tiền sử dụng đất đối với bà A, là đúng quy định về chính sách người có công. Tại buổi đối thoại ngày 12/9/2019, UBND thành phố H đã đồng ý chỉ đạo UBND quận Z hỗ trợ thêm 30% tiền sử dụng đất cho gia đình bà Nguyễn Thị A bằng nguồn xã hội hóa. Thỏa thuận này của các bên là sự tự nguyện và không được coi là hành vi hành chính có giá trị bắt buộc thi hành theo quy định tổ tụng hành chính. UBND thành phố H đã ban hành công văn số 6213/UBND có nội dung “ Giao UBND quận Z thực hiện các trình tự thủ tục hỗ trợ bằng nguồn xã hội hóa”. Việc chậm hỗ trợ 30% tiền sử dụng đất đã được UBND quận Z giải trình tại Báo cáo số 21 ngày

22/1/2020 (lý do là tình hình chính trị xã hội tập trung cho các công tác khác cấp bách nên UBND quận chưa bố trí đủ kinh phí để hỗ trợ thêm cho bà Nguyễn Thị A), như vậy là do yếu tố khách quan. Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị A, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý đơn khởi kiện vụ án hành chính ngày 03/12/2019 của bà Nguyễn Thị A đã đảm bảo đúng quy định tại khoản 3 Điều 32 a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị A:

[2.1] Bà Nguyễn Thị A cư trú tại nhà số 17/10/83 đường Nguyễn Bình, phường Q, quận Z, thành phố H. Bà A là con liệt sĩ NVA; chồng bà A (là ông Nguyễn Văn B – đã mất năm 1997) là con liệt sĩ NVS và bà NTC là người được Chính phủ tặng Bằng khen có công với nước. Tháng 1 năm 2015, bà A làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng lô đất 88,6m² tại ngõ 70 X, phường Y, quận Z, thành phố H.

Về nguồn gốc đất, theo tài liệu do các đương sự cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm đã thể hiện: Năm 1994, Hợp tác xã Y giao 260m² đất nông nghiệp (ao) cho Công an phường Y quản lý sử dụng, sau đó Công an phường ủy quyền cho ông BQM và anh NĐN (anh NĐN là con trai bà A) san lấp ao. Sau đó, theo quy hoạch đã được phê duyệt, UBND quận Z đã thu hồi đất giao cho Công ty CL-V và đã lập xong phương án phê duyệt bồi thường nhưng Công ty CL xin trả lại đất. Sau đó bà A nộp đơn xin giao đất ở để tái định cư chỗ (thực chất là xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất). Sau khi có Kết luận thanh tra của UBND quận Z (xác định bà A không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất), nên UBND quận Z đã giải quyết chấp thuận chuyển sang giao đất ở có thu tiền sử dụng đất (88,6m² đất tại ngõ 70 X, phường Y, quận Z) cho bà A.

Ngày 07/6/2013 UBND thành phố H có quyết định số 1021/QĐ-UBND về việc chi hỗ trợ 70% tiền sử dụng đất đối với bà A nhưng bà A không chấp nhận mà yêu cầu hỗ trợ bằng 100% giá trị quyền sử dụng đất, cho rằng bà được cộng hưởng chính sách ưu đãi của cả chồng bà (ông NVL cũng là con liệt sĩ). Yêu cầu được hỗ trợ thêm 30% tiền sử dụng đất của bà A đã được Ủy ban nhân dân thành phố H giao các Sở, Ngành của Thành phố và UBND quận Z giải quyết từ năm 2013.

[2.2] Quy định tại khoản 6 Điều 1 Quyết định số 118/1996/QĐ-TTg ngày 27/02/1996 của Thủ tướng chính phủ về việc miễn, giảm tiền sử dụng đất thuộc thẩm quyền của UBND thành phố H và tại các văn bản qui phạm do UBND thành phố H ban hành, đều không qui định trường hợp tương tự như của bà A sẽ được hỗ trợ 100% tiền sử dụng đất. Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 45 ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định giảm tiền sử dụng đất là *cho người đang sử*

dụng đất. Quy định tại Điều 2 Pháp lệnh ưu đãi người có công thì ông NVL là con liệt sĩ, nhưng ông NVL đã chết nên không được hưởng chế độ qui định theo khoản 7 Điều 2 Quyết định 118/1996 của Thủ tướng Chính phủ; chỉ bà A được hưởng chính sách này.

Mặt khác, nếu ông NVL là người có công thì bà A sẽ được xác định là người thuộc nhiều diện ưu đãi, được xét hỗ trợ theo chế độ ưu đãi cao nhất là 70% (là thân nhân của Liệt sĩ đồng thời là vợ của thân nhân liệt sĩ đã mất theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Quyết định 118/1996 của Thủ tướng Chính phủ) chứ không được cộng tổng chế độ ưu đãi của từng người thành chế độ ưu đãi chung như quy định tại khoản 6 Điều 2 Quyết định 118/1996 của Thủ tướng Chính phủ.

[2.3] Để có thêm căn cứ giải quyết khiếu nại của bà A, UBND thành phố H đã đề nghị các Bộ, Ngành Trung ương có liên quan trả lời theo thẩm quyền và đã nhận được các văn bản sau:

- Công văn số 606/NCC-TTĐ ngày 07/4/2017 của Cục người có công thuộc Bộ lao động Thương binh và Xã hội; Công văn số 104 ngày 25/4/2017 của Bộ xây dựng có; Công văn số 1006 ngày 15/6/2017 của Tổng cục quản lý đất đai -Bộ Tài nguyên Môi trường có đều trả lời việc miễn giảm tiền sử dụng đất của bà A thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính hướng dẫn;

- Công văn số 1642 ngày 04/4/2018 của Bộ tài nguyên và môi trường có ý kiến: Do ông Nguyễn Văn B chồng bà A đã chết năm 1997 nên không được áp dụng cộng chế độ ưu đãi của từng người thành chế độ ưu đãi của cả hộ gia đình bà A theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Quyết định số 118. Việc UBND thành phố H quyết định hỗ trợ 70% cho hộ nhà bà A là đúng quy định.

- Công văn số 4263/BTC-QLCS ngày 12/4/2018 của Bộ tài chính nêu: Gia đình bà Nguyễn Thị A thuộc đối tượng nhân thân của liệt sĩ quy định tại khoản 1 điều 14 của pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (bà Nguyễn Thị A là con liệt sĩ NVA và chồng bà là ông Nguyễn Văn B đã mất năm 1997 là con liệt sĩ NVS, được hỗ trợ tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 6 điều 2 quyết định số 118/1996/QĐ-TTG ngày 27/02/1996 của chính phủ....

Việc miễn, giảm tiền sử dụng đất cho gia đình bà Nguyễn Thị A thuộc thẩm quyền của UBND thành phố H xem xét, giải quyết căn cứ vào quy định của pháp luật về người có công. Do vậy, đề nghị Sở lao động thương binh và xã hội thành phố H căn cứ vào quy định của pháp luật để báo cáo UBND thành phố H xem xét giải quyết.

- Công văn số 4221 ngày 02/11/2018 của Bộ tư pháp trả lời: ...căn cứ khoản 2 Điều 12 Nghị định số 45 ngày 15/5/2014 của Chính phủ qui định ... giảm tiền sử dụng đất ...cho người đang sử dụng đất ...theo qui định của pháp luật về người có công...

- Khoản 6 Điều 2 Quyết định số 118-TTg ngày 27/2/1996 quy định: Trong một hộ gia đình có nhiều thành viên thuộc diện được ưu đãi về nhà ở, nếu được xét hỗ trợ cải thiện nhà ở thì được cộng chế độ ưu đãi của từng người thành chế

độ ưu đãi của cả hộ, nhưng mức hỗ trợ tối đa không vượt quá mức ưu đãi cao nhất quy định tại Quyết định này (100%).

[2.4] Căn cứ vào quy định và các nội dung trả lời nêu trên, UBND thành phố H đã áp dụng quy định tại khoản 6 Điều 2 Quyết định số 118-TTg ngày 27/2/1996 của Thủ tướng chính phủ xác định bà A đủ điều kiện được hỗ trợ mức 70% tiền sử dụng đất phải nộp, là đúng. Các con của ông NVL nếu là thành viên trong hộ gia đình, thực sự có khó khăn về nhà ở, đủ điều kiện được hỗ trợ tiền sử dụng đất (quy định tại khoản 7 Điều 2 Quyết định 118-Ttg/1996 của Thủ tướng Chính phủ) nhưng hồ sơ cấp GCNQSD đất yêu cầu hỗ trợ chỉ mình bà A đứng tên.

[2.5] Chủ tịch UBND thành phố H đã đồng ý và chỉ đạo UBND quận Z hỗ trợ thêm 30% tiền sử dụng đất cho gia đình bà Nguyễn Thị A bằng nguồn tiền xã hội hóa (Văn bản số 5060/UBND-VXNC ngày 21/8/2019, số 6213/UBND-VXNC ngày 09/9/2019). Như vậy, quyền lợi hợp pháp của bà A đã được các cấp chính quyền xem xét giải quyết. Việc hỗ trợ bằng nguồn xã hội hóa không thuộc trách nhiệm trực tiếp thực hiện của UBND thành phố H. Thỏa thuận hỗ trợ này không có giá trị bắt buộc thi hành theo thủ tục tố tụng hành chính.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định UBND quận Z chưa thực hiện được ngay việc hỗ trợ đầy đủ, là do trở ngại khách quan (chưa tìm được nguồn tiền xã hội hóa), đã quyết định không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện nhưng đã có kiến nghị với UBND thành phố H tiếp tục chỉ đạo UBND quận Z thực hiện việc hỗ trợ cho gia đình bà A 154.668.000 đồng (theo biên bản đối thoại ngày 12/9/2019), là có căn cứ, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho bà A.

[3] Với các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị A. Bà A đủ điều kiện được miễn án phí nên được miễn hành chính sơ thẩm, phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 220, khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị A, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 39/2020/HC-ST ngày 17/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H.

2. Bà Nguyễn Thị A được miễn án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 14/4/2022.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- Cục THADS thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương

